HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17/2018/NQ-HĐND	*Hải Dương, ngày 13 tháng 12 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2019 của tỉnh Hải Dương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Xét Báo cáo số 186/BC-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế và ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2019 của tỉnh Hải Dương với các nội dung chính như sau:

1. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019:

a) Kế hoạch đầu tư công năm 2019 phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước; các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020.

b) Xác định rõ mục tiêu, thứ tự ưu tiên trong kế hoạch đầu tư công năm 2019 phù hợp khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư năm 2019. Kế hoạch phải được xây dựng theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải và nâng cao hiệu quả đầu tư; vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và tiến độ giải ngân trong năm 2019.

c) Danh mục dự án bố trí vốn năm 2019 phải thuộc kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 đã được các cấp có thẩm quyền quyết định và vốn bố trí theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Phân bổ cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn, trong đó bố trí đủ vốn thanh toán nợ đọng XDCB cho dự án đã quyết toán vốn đầu tư.

- Ưu tiên bố trí vốn hỗ trợ đầu tư dự án thuộc các Đề án theo Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và vốn đầu tư cho các công trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại Hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI; các dự án vốn Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức hợp tác công tư; vốn đối ứng dự án sử dụng vốn ODA.

- Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2019 và dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019 theo tiến độ được duyệt.

- Đối với dự án khởi công mới phải lựa chọn những dự án thật sự cấp bách, cần thiết nhất và giải quyết những vấn đề bức xúc của ngành, lĩnh vực và đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Dự án thuộc kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 được các cấp có thẩm quyền quyết định.

+ Đến ngày 31/10/2018 đã có quyết định đầu tư dự án.

+ Mức vốn bố trí bảo đảm hoàn thành dự án nhóm B có tổng mức đầu tư dưới 800 tỷ đồng không quá 5 năm; dự án nhóm C không quá 3 năm.

d) Không bố trí vốn đầu tư công cho các dự án không thực hiện trình tự lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2019:

Tổng vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương năm 2019 là 2.181 tỷ 809 triệu đồng, bao gồm: vốn trong cân đối theo tiêu chí, định mức là 741 tỷ 809 triệu đồng; thu tiền sử dụng đất là 1.400 tỷ đồng và thu xổ số kiến thiết là 40 tỷ đồng, được phân bổ về các cấp ngân sách như sau:

a) Ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã:

Tổng số là 983 tỷ 846 triệu đồng, bao gồm: vốn trong cân đối theo tiêu chí, định mức phân bổ về ngân sách cấp huyện là 297 tỷ 46 triệu đồng; thu tiền sử dụng đất phân bổ về ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã là 686 tỷ 800 triệu đồng.

b) Ngân sách tỉnh:

Tổng số là 1.197 tỷ 963 triệu đồng, bao gồm: vốn trong cân đối theo tiêu chí, định mức là 444 tỷ 763 triệu đồng; thu tiền sử dụng đất là 713 tỷ 200 triệu đồng; thu xổ số kiến thiết là 40 tỷ đồng. Phân bổ chi tiết như sau:

- Chuẩn bị đầu tư: 19 tỷ 893 triệu đồng
- Đối ứng dự án PPP: 03 tỷ 82 triệu đồng
- Hỗ trợ đầu tư thực hiện Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020: 37 tỷ 500 triệu đồng
- Thực hiện đầu tư dự án: 1.137 tỷ 489 triệu đồng

Bao gồm:

+ 33 dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2018 về trước: 44 tỷ 609 triệu đồng

+ 07 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2019: 50 tỷ 200 triệu đồng

+ 38 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019: 819 tỷ 440 triệu đồng

+ 12 dự án khởi công mới: 223 tỷ 239 triệu đồng

(Chi tiết Phụ lục biểu số 01 và Phụ lục biểu số 02 kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2019 cho các địa phương, đơn vị theo quy định của pháp luật về đầu tư công và chỉ đạo các địa phương, đơn vị liên quan thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Các Sở, ngành, địa phương và các chủ đầu tư khẩn trương triển khai thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tập trung thực hiện đầu tư dự án, giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 theo quy định của pháp luật hiện hành và theo chỉ đạo của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2019. Trong đó tập trung thực hiện:

a) Đối với dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2018 trở về trước: Khẩn trương nghiệm thu quyết toán A-B, hoàn tất thủ tục trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và giải ngân hết kế hoạch vốn giao trong quý I năm 2019.

b) Đối với dự án chuyển tiếp: Tiếp tục triển khai đầu tư ngay từ đầu năm 2019 và khẩn trương nghiệm thu khối lượng hoàn thành, bảo đảm đến tháng 10 năm 2019 giải ngân hết kế hoạch vốn giao và không phát sinh nợ khối lượng XDCB trong năm 2019.

c) Đối với dự án khởi công mới: Tập trung triển khai hoàn tất các thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà thầu để khởi công dự án trong quý II năm 2019. Trong quá trình thực hiện đầu tư, phải sớm nghiệm thu khối lượng hoàn thành để giải ngân hết kế hoạch vốn giao trong năm 2019 và bảo đảm khối lượng thực hiện trong năm 2019 không vượt kế hoạch vốn giao.

d) Quan tâm chỉ đạo thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng và chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm tiến độ đầu tư của dự án theo kế hoạch vốn giao.

đ) Chủ động rà soát, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền điều chuyển kế hoạch vốn năm 2019 của các dự án có tiến độ đầu tư chậm và dự án đã có khối lượng hoàn thành nhưng chậm làm thủ tục giải ngân sang các dự khác.

2. Đối với dự án có khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đầu tư và giải ngân kế hoạch vốn năm 2019: Chủ động và kịp thời báo cáo, kiến nghị, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền giải pháp thực hiện để hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2019.

3. Tăng cường công tác quản lý đầu tư, tập trung hướng dẫn, đôn đốc các chủ đầu tư hoàn thiện các thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà thầu và thực hiện đầu tư dự án; thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện tập trung triển khai thực hiện và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 và tổ chức đầu tư các dự án theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp. Đồng thời, tăng cường chỉ đạo và giám sát cấp xã tiếp tục rà soát, thực hiện giãn, hoãn tiến độ đầu tư và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 của một số dự án chưa thực sự cấp bách để bố trí đủ vốn thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản.

5. Tiếp tục xây dựng và công bố danh mục dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

6. Tiếp tục quản lý và khai thác tốt các nguồn thu; đẩy mạnh việc xử lý đất dôi dư, xen kẹp và đấu giá quyền sử dụng đất để có nguồn vốn đầu tư hoàn thành kế hoạch năm 2019 và đầu tư cho các công trình xây dựng nông thôn mới, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản. Đẩy nhanh việc tính tiền sử dụng đất của các dự án khu đô thị, khu dân cư đã lựa chọn xong nhà đầu tư; tập trung xử lý dứt điểm nguồn thu tiền sử dụng đất còn nợ đọng từ năm 2018 trở về trước. Phấn đấu tăng thu ngân sách để bổ sung cho chi đầu tư phát triển.

7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các vi phạm trong đầu tư.

8. Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác đầu tư, nhất là cán bộ trực tiếp thẩm định dự án và đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn đầu tư.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban TV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB -Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;

(*để báo cáo*)

- TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo và CV VP HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Công báo tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Nguyễn Mạnh Hiển

Biểu số 01

TỔNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN TRONG CÂN ĐỐI NSĐP NĂM 2019 CỦA TỈNH HẢI DƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019
	TỔNG SỐ	**2.181.809,000**
	- Nguồn trong cân đối theo tiêu chí, định mức	741.809,000
	- Nguồn thu sử dụng đất	1.400.000,000
	- Nguồn thu xổ số kiến thiết	40.000,000
	Phương án phân bổ vốn:	
A	**Dành 5% tổng vốn trong cân đối theo tiêu chí, định mức[1]**	**37.090,450**
B	**Vốn phân bổ về ngân sách các cấp**	**2.144.718,550**
I	**Vốn trong cân đối theo tiêu chí, định mức[2]**	**704.718,550**
1	**Phân bổ về ngân sách 09 huyện**	**77.529,278**
1.1	Huyện Nam Sách	6.926,162
1.2	Huyện Kim Thành	7.402,560
1.3	Huyện Thanh Hà	7.736,450
1.4	Huyện Tứ Kỳ	9.075,664
1.5	Huyện Gia Lộc	8.383,334
1.6	Huyện Thanh Miện	10.419,560
1.7	Huyện Ninh Giang	9.287,029
1.8	Huyện Bình Giang	11.149,345
1.9	Huyện Cẩm Giàng	7.149,174
2	**Phân bổ theo cơ chế đặc thù về tài chính**	**219.516,222**
2.1	Thị xã Chí Linh	62.718,904
2.2	Huyện Kinh Môn	62.718,904
2.3	Thành phố Hải Dương	94.078,414
3	**Vốn ngân sách tỉnh**	**407.673,050**
II	**Nguồn thu sử dụng đất**	**1.400.000,000**
1	**Vốn ngân sách tỉnh**	**713.200,000**
2	**Vốn ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã**	**686.800,000**
2.1	Thành phố Hải Dương	100.000,000
2.2	Thị xã Chí Linh	150.000,000
2.3	Huyện Kinh Môn	70.000,000
2.4	Huyện Nam Sách	27.000,000

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019
2.5	Huyện Kim Thành	36.900,000
2.6	Huyện Thanh Hà	65.000,000
2.7	Huyện Tứ Kỳ	32.400,000
2.8	Huyện Gia Lộc	45.000,000
2.9	Huyện Thanh Miện	33.000,000
2.10	Huyện Ninh Giang	27.000,000
2.11	Huyện Bình Giang	54.000,000
2.12	Huyện Cẩm Giàng	46.500,000
III	**Thu xổ số kiến thiết**	**40.000,000**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Ghi chú:

(1)- Thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020.

(2)- Phân bổ về ngân sách huyện, thị xã và thành phố tính theo tỷ lệ tăng vốn tiêu chí, định mức Nhà nước giao năm 2019 so với kế hoạch năm 2018.

Biểu số 02

PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2019 - NGUỒN VỐN TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
	TỔNG SỐ		**9.152.086,3**	**1.197.963,5000**	**444.763,5000**	**713.200,0000**	**40.000,0000**
A	**CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ + ĐỐI ỨNG PPP (1)**		**166.490,3**	**22.974,7950**	**4.785,0000**	**18.189,7950**	
I	Chuẩn bị đầu tư		165.470,0	19.892,7950	1.703,0000	18.189,7950	
II	Đối ứng dự án PPP		1.020,3	3.082,0000	3.082,0000		
B	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**		**8.826.596,0**	**1.137.488,7050**	**439.978,5000**	**673.784,7950**	**23.725,4100**
I	**Giao thông - Công nghiệp**		**2.474.991,2**	**280.738,6770**	**80.598,0160**	**200.140,6610**	
I.1	**Dự án đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng**		**162.877,6**	**2.106,9060**	**2.106,9060**		
1	Cải tạo, nâng cấp đường huyện từ Lam Sơn đi Phạm Kha	2576, 12/9/2011; 1468, 16/6/2014	14.733,9	1.527,9970	1.527,9970		
2	Di chuyển lộ 471-E81 GPMB của Công ty Ken Mark - thành phố Hải Dương	51; 09/01/2007	961,0	132,4330	132,4330		

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
3	Đường gom quốc lộ 5 đoạn từ ngã tư thị trấn Lai Cách đến KCN Đại An	601; 22/3/2013	40.193,3	319,3630	319,3630		
4	Đường gom ven Quốc lộ 5 (Km45-Km59)	3383; 16/8/2002	106.989,5	127,1130	127,1130		
I.2	**Dự án chuyển tiếp**		**1.922.715,8**	**107.291,1100**	**59.491,1100**	**47.800,0000**	
1	Đường trục Bắc-Nam, tỉnh Hải Dương đoạn tuyến phía Nam, từ nút giao đường ô tô cao tốc Hà Nội Hải Phòng đến cầu Hiệp (giai đoạn 1)	1004; 29/3/2017	1.407.966,8	64.000,0000	16.200,0000	47.800,0000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường 389B (Km0 - Km12) đoạn từ cầu An Lưu 2 đến đường 389, huyện Kinh Môn	3325; 31/10/2017	100.400,0	5.000,0000	5.000,0000		
3	Đường 62m kéo dài đoạn từ Khu đô thị mới phía Tây thành phố Hải Dương đi huyện Gia Lộc: Đoạn tuyến bổ sung nối đường 62m kéo dài đến nút giao đường ô tô cao tốc Hà Nội-Hải Phòng (giai đoạn 1)	2359; 26/8/2016	357.135,4	22.791,1100	22.791,1100		

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
4	Xây dựng cầu giao thông nông thôn sử dụng vật tư thu hồi từ dự án nâng cao an toàn cầu đường sắt trên tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh	3075, 28/10/2016	28.174,6	8.000,0000	8.000,0000		
5	Cải tạo, nâng cấp đường huyện Cao Thắng - Tiền phong đoạn từ Km5+000 đến Km8+800, huyện Thanh Miện	3324; 31/10/2017	11.511,0	2.000,0000	2.000,0000		
6	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại xã Nam Chính, huyện Nam Sách	1439; 09/5/2017	17.528,1	5.500,0000	5.500,0000		
I.3	**Dự án khởi công mới**		**389.397,7**	**171.340,6610**	**19.000,0000**	**152.340,6610**	
1	Cầu Mây - Đường tỉnh 389		347.660,0	152.340,6610		152.340,6610	
2	Xây dựng tuyến kết nối đường tỉnh 396 (huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương) với đường huyện 80 (huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên)[(2)]	3801; 12/10/2018	19.354,6	14.000,0000	14.000,0000		

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
3	Xây dựng một số đoạn tuyến thuộc đường gom phía Bắc Quốc lộ 5 đoạn đi qua thành phố Hải Dương (từ K51+035-K54+205)	957; 27/3/2018	22.383,1	5.000,0000	5.000,0000		
II	**Nông nghiệp - Thuỷ lợi**		**3.385.007,4**	**165.327,0870**	**144.174,2130**	**21.152,8740**	
II.1	**Dự án đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng**		**1.133.198,3**	**12.246,1849**	**12.246,1849**		
1	Xây dựng, cải tạo hồ Đập Tường, thị xã Chí Linh	2370; 13/9/2010	83.814,0	29,7840	29,7840		
2	Cải tạo hồ Phượng Hoàng	5017, 10/12/2004; 2279, 06/9/2010	83.889,0	3,8460	3,8460		
3	Chống sạt lở, ổn định lòng dẫn đoạn sông Thái Bình khu vực TPHD bảo vệ và phát triển đô thị	2432, 13/6/2005; 1534, 27/4/2009; 1042, 28/4/2010; 325, 20/01/2017	341.719,4	950,9395	950,9395		
4	Nạo vét kênh dẫn trạm bơm Tân Việt (T6 - Đò Phan), huyện Thanh Hà	677; 24/3/2015	4.118,3	90,0000	90,0000		

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
5	Hạ tầng vùng nuôi trồng thuỷ sản tập trung xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng	178, 17/01/2011; 1563, 24/6/2014; 2595, 23/9/2016	50.611,9	893,3020	893,3020		
6	Hoàn chỉnh mặt cắt và gia cố mặt đê từ cấp III trở lên	1494, 07/5/2008; 252, 31/01/2012	120.000,0	2.556,4360	2.556,4360		
7	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp kênh và công trình trên kênh trung thuỷ nông Bá Nha-Thuần	150, 13/01/2011; 2347, 17/10/2013; 453, 04/02/2016	68.565,7	3.613,0000	3.613,0000		
8	Xây dựng trạm bơm Phí Xá, huyện Thanh Miện (GPMB)	1460; 25/5/2009	148.992,0	2.366,9704	2.366,9704		
9	Cải tạo, nâng cấp và kiên cố hoá hệ thống thuỷ lợi sau nhà máy nhiệt điện Phả Lại (GPMB)	1470, 25/5/2009; 1444, 27/4/2015; 1876, 18/5/2017	156.110,1	1.542,3930	1.542,3930		
10	Xử lý khẩn cấp kè An Bình, huyện Nam Sách	544; 01/3/2011	53.502,9	116,0140	116,0140		

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
11	Tu bổ đê điều thường xuyên năm 2011	640; 27/03/2012	21.875,0	83,5000	83,5000		
II.2	**Dự án chuyển tiếp**		**2.069.129,0**	**144.780,9021**	**123.628,0281**	**21.152,8740**	
1	Nâng cấp các tuyến đê tả sông Mía, hữu sông Văn Úc, huyện Thanh Hà	1969, 05/7/2011; 1723, 09/7/2014	205.987,3	8.000,0000	8.000,0000		
2	Xây dựng trạm bơm Đò Hàn, thành phố Hải Dương	3301, 30/11/2010; 2656, 24/10/2014; 1428, 08/5/2017	190.406,8	16.000,0000	16.000,0000		
3	Nâng cấp tuyến đê tả sông Kinh Môn (K0+00 đến K3+300), huyện Kinh Môn	1161; 04/5/2011	29.979,3	8.000,0000	8.000,0000		
4	Nâng cấp các tuyến đê tả Thái Bình, huyện Thanh Hà	2161, 20/8/2010; 1964, 05/7/2011	375.818,7	15.000,0000	15.000,0000		
5	Chống sạt lở, tăng cường khả năng chống lũ cho hệ thống đê huyện Kim Thành	3496, 5/8/2005; 610, 11/3/2010	294.536,9	8.000,0000	8.000,0000		
6	Tu bổ đê, kè, cống địa phương giai đoạn 2016-2020		200.000,0	16.500,0000	4.440,6530	12.059,3470	

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
7	Tu bổ bờ kênh trục Bắc Hưng Hải; nạo vét kênh dẫn và cải tạo, nâng cấp một số trạm bơm trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020	836; 31/3/2016	220.000,0	35.780,9021	26.687,3751	9.093,5270	
8	Chống ngập úng và nuôi trồng thủy sản khu vực Hưng Đạo, thị xã Chí Linh	4400; 27/10/2016	166.400,0	3.000,0000	3.000,0000		
9	Nâng cấp tuyến đê hữu Kinh Thầy, hữu Lai Vu, thuộc địa bàn huyện Nam Sách và TPHD	3255; 24/10/2017	70.000,0	10.000,0000	10.000,0000		
10	Xây dựng và cải tạo hệ thống kênh trung thủy nông Cẩm Đông - Phí Xá, huyện Cẩm Giàng	3337; 31/10/2017	150.000,0	15.000,0000	15.000,0000		
11	Xử lý cấp bách các công trình đê điều bị sự cố do ảnh hưởng của bão, lũ năm 2017		156.000,0	6.000,0000	6.000,0000		
12	Cải tạo 20 ha đất ngoài đê nhằm nâng cao hiệu quả canh tác, góp phần ổn định đời sống nhân dân xã Lai Vu, huyện Kim Thành	3323; 31/10/2017	10.000,0	3.500,0000	3.500,0000		
II.3	**Dự án khởi công mới**		**182.680,0**	**8.300,0000**	**8.300,0000**		

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
1	Tiểu dự án: Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Hải Dương	4638/QĐ-BNN-HTQT; 09/11/2015	176.830,0	4.800,0000	4.800,0000		
2	Xây dựng, cải tạo kho chứa thuốc bảo vệ thực vật tại xã Cao An, huyện Cẩm Giàng	4009; 31/10/2018	5.850,0	3.500,0000	3.500,0000		
III	**Giáo dục và đào tạo**		**778.930,4**	**91.433,4100**	**74.568,0000**		**16.865,4100**
III.1	**Dự án đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng**		**160.155,7**	**8.334,9000**	**5.068,0000**		**3.266,9000**
1	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng, nhà hiệu bộ và một số hạng mục phụ trợ của Trường THPT Thanh Miện, huyện Thanh Miện	1630; 26/6/2015	20.645,1	377,9000			377,9000
2	Trường THPT Hoàng Văn Thụ (địa điểm mới)	4918, 7/12/2004; 612, 12/3/2010	50.179,4	628,0000	628,0000		
3	Xây dựng Nhà làm việc Trường Chính trị tỉnh	2557; 06/10/2015	34.410,5	2.000,0000	2.000,0000		
4	Trường mầm non xã Hồng Đức, huyện Ninh Giang	2134; 04/8/2016	14.902,2	599,0000			599,0000
5	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, Trường THPT Chí Linh, thị xã Chí Linh	2092; 29/7/2016	8.115,8	700,0000	700,0000		

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
6	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, Trường THPT Hà Đông, huyện Thanh Hà	2700; 05/10/2016	11.975,0	1.000,0000	1.000,0000		
7	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 6 phòng (móng 3 tầng) của Trường THPT Đường An, huyện Bình Giang	2538; 19/9/2016	7.934,8	740,0000	740,0000		
8	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng của Trường THPT Hà Bắc, huyện Thanh Hà	3068; 28/10/2016	11.992,8	2.290,0000			2.290,0000
III.2	**Dự án chuyển tiếp**		**566.909,0**	**69.500,0000**	**69.500,0000**		
1	Xây dựng Trường Đại học Hải Dương	1972, 02/8/2010; 996, 15/4/2011; 1985, 08/7/2011; 3196, 17/12/2014	413.762,5	15.000,0000	15.000,0000		
2	Ký túc xá học sinh của Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	1455; 07/6/2016	27.622,9	10.000,0000	10.000,0000		

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
3	Mua phương tiện phòng cháy chữa cháy cho các Trường THPT, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương	3401; 27/10/2016	29.190,7	6.000,0000	6.000,0000		
4	Trường THPT Nhị Chiểu (địa điểm mới - giai đoạn 1)	3129; 31/10/2016	41.410,0	8.000,0000	8.000,0000		
5	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 9 phòng Trường TPHT Mạc Đĩnh Chi, huyện Nam Sách	2160; 24/7/2017	9.980,6	5.500,0000	5.500,0000		
6	Nhà giảng đường, thực hành của Trường Cao đẳng Hải Dương	3170; 17/10/2017	44.942,3	25.000,0000	25.000,0000		
III.3	**Dự án khởi công mới**		**51.865,7**	**13.598,5100**			**13.598,5100**
1	Xây dựng nhà lớp học của Trường THPT Kinh Môn	3999; 29/10/2018	7.999,6	4.000,0000			4.000,0000
2	Nhà lớp học của Trường THPT Hồng Quang, TPHD	3826; 15/10/2018	43.866,1	9.598,5100			9.598,5100
IV	**Khoa học công nghệ và điều tra cơ bản**		**155.409,7**	**16.375,1660**	**16.375,1660**		
IV.1	**Dự án đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng**		**10.775,0**	**1.675,1660**	**1.675,1660**		

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
1	Nâng cấp, mở rộng ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý văn bản và quản lý hồ sơ, công việc tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hải Dương	3107; 31/10/2016	10.775,0	1.675,1660	1.675,1660		
IV.2	**Dự án chuyển tiếp**		**84.634,7**	**4.700,0000**	**4.700,0000**		
1	Dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm (LIFSAP) (bao gồm cả khoản vay bổ sung)	2305, 17/8/2009; 1962, 27/5/2015	12.907,7	1.200,0000	1.200,0000		
2	Xây dựng hệ thống trục tích hợp kết nối liên thông các hệ thống thông tin và ứng dụng quản lý, cung cấp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Hải Dương	3312; 30/10/2017	48.000,0	1.000,0000	1.000,0000		
3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2016-2020	3126a; 31/10/2016	23.727,0	2.500,0000	2.500,0000		
IV.3	**Dự án khởi công mới**		**60.000,0**	**10.000,0000**	**10.000,0000**		
1	Lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030		60.000,0	10.000,0000	10.000,0000		
V	**Y tế - Xã hội**		**511.887,6**	**51.161,9910**	**44.301,9910**		**6.860,0000**

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
V.1	**Dự án đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng**		**207.828,7**	**7.161,9910**	**6.201,9910**		**960,0000**
1	Trung tâm Giáo dục lao động xã hội	3031, 21/9/2006; 3287, 30/11/2010	96.241,8	1.016,3230	1.016,3230		
2	Trung tâm nuôi dưỡng tâm thần Hải Dương	2536a, 31/10/2013; 2357, 25/8/2016; 764, 10/3/2017	32.901,8	1.571,4700	1.571,4700		
3	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư vùng sạt lở xã Hiệp Cát, huyện Nam Sách	3484, 15/12/2010; 148, 13/01/2011; 2560, 21/9/2016	54.914,7	852,9680	852,9680		
4	Xây dựng, cải tạo Bệnh viện Đa khoa thị xã Chí Linh	2789; 07/10/2016	10.613,0	960,0000			960,0000
5	Nhà khoa truyền nhiễm và tường rào của Bệnh viện Đa khoa huyện Nam Sách	3067; 28/10/2016	13.157,5	2.761,2300	2.761,2300		
V.2	**Dự án chuyển tiếp**		**282.097,3**	**37.000,0000**	**31.100,0000**		**5.900,0000**

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
1	Xây dựng Nhà ở xã hội tại khu dân cư phía Đông Ngô Quyền, TPHD	40; 24/10/2014	156.355,4	10.000,0000	10.000,0000		
2	Nhà vật lý trị liệu 3 tầng (móng 7 tầng) của Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	1193; 10/5/2016	21.408,8	3.000,0000	3.000,0000		
3	Nhà khoa ngoại, khoa sản và khoa nội của Bệnh viện Đa khoa Cẩm Giàng	3066; 28/10/2016	18.219,8	4.000,0000	4.000,0000		
4	Nhà khám bệnh và các khoa cận lâm sàng của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Dương	3070; 09/10/2017	44.960,6	10.000,0000	10.000,0000		
5	Nhà khoa khám bệnh cận lâm sàng, hồi sức cấp cứu, phòng mổ và khoa nhi của Bệnh viện Đa khoa huyện Tứ Kỳ	3069; 28/10/2016	19.904,4	5.000,0000	4.100,0000		900,0000
6	Nhà xạ trị thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh	3486; 14/11/2017	21.248,3	5.000,0000			5.000,0000
V.3	**Dự án khởi công mới**		**21.961,5**	**7.000,0000**	**7.000,0000**		
1	Xây dựng, cải tạo Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh	4008; 31/10/2018	21.961,5	7.000,0000	7.000,0000		
VI	**Công cộng, văn hóa thông tin và thể dục thể thao**		**341.344,6**	**40.161,1140**	**40.161,1140**		

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
VI.1	**Dự án đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng**		**115.431,7**	**1.161,1140**	**1.161,1140**		
1	Thư viện tổng hợp tỉnh Hải Dương	5791, 12/8/2005; 843, 04/3/2009	92.568,0	201,1140	201,1140		
2	Cải tạo, nâng cấp khu tượng đài Bác Hồ tại xã Hiệp Lực, huyện Ninh Giang	3279; 25/12/2014	22.863,7	960,0000	960,0000		
VI.2	**Dự án chuyển tiếp**		**175.937,5**	**29.000,0000**	**29.000,0000**		
1	Hỗ trợ xây dựng hạ tầng chợ (thực hiện theo QĐ số 14 ngày 31/7/2013 của UBND tỉnh)[(1)]		70.500,0	3.000,0000	3.000,0000		
2	Hạ tầng du lịch sinh thái sông Hương, huyện Thanh Hà	3311; 30/10/2017	59.978,2	20.000,0000	20.000,0000		
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu du lịch và bảo tồn sinh thái Đảo Cò, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	3204; 07/11/2016	45.459,3	6.000,0000	6.000,0000		
VI.3	**Dự án khởi công mới**		**49.975,4**	**10.000,0000**	**10.000,0000**		
1	Đường hạ tầng du lịch vào chùa Huyền Thiên, Chí Linh	3849; 17/10/2018	49.975,4	10.000,0000	10.000,0000		
VII	**Cấp thoát nước và bảo vệ môi trường**		**155.649,7**	**20.800,0000**	**20.800,0000**		

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
VII.1	**Dự án đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng**		**22.200,0**	**2.000,0000**	**2.000,0000**		
1	Tiểu dự án cấp nước và vệ sinh 4 thị trấn: Gia Lộc, Thanh Hà, Thanh Miện, Minh Tân (Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư)	4244; 19/11/2008	22.200,0	2.000,0000	2.000,0000		
VII.2	**Dự án chuyển tiếp**		**124.240,6**	**10.800,0000**	**10.800,0000**		
1	Nạo vét, mở rộng kênh T2 và xây dựng trạm bơm Bình Lâu, thành phố Hải Dương	3865; 23/12/2016	71.941,2	5.000,0000	5.000,0000		
2	Trạm bơm tăng áp phường Hoàng Tân cấp nước sạch cho các phường, xã khu vực Đông Bắc thị xã Chí Linh	2542; 18/8/2017	14.972,0	1.600,0000	1.600,0000		
3	Trạm bơm tăng áp xã Kim Giang cấp nước sạch cho Khu công nghiệp Lương Điền, các xã nông thôn huyện Cẩm Giàng và khu vực lân cận	3856; 22/12/2016	15.863,9	1.600,0000	1.600,0000		
4	Hệ thống cấp nước sạch phường Bến Tắm, thị xã Chí Linh	1294; 27/4/2014	10.423,4	1.200,0000	1.200,0000		
5	Hệ thống cấp nước sạch phường Hoàng Tân, thị xã Chí Linh	1295; 27/4/2017	11.040,1	1.400,0000	1.400,0000		
VII.3	**Dự án khởi công mới**		**9.209,1**	**8.000,0000**	**8.000,0000**		

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
1	Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước cho khu dân cư lân cận khu công nghiệp Cẩm Điền-Lương Điền	4004; 30/10/2018	9.209,1	8.000,0000	8.000,0000		
IX	**Quản lý nhà nước**		**663.550,9**	**417.000,0000**	**9.000,0000**	**408.000,0000**	
IX.1	**Dự án đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng**						
IX.2	**Dự án chuyển tiếp**		**648.705,5**	**408.000,0000**		**408.000,0000**	
1	Trung tâm văn hóa xứ Đông	1200; 17/4/2018	648.705,5	408.000,0000		408.000,0000	
IX.3	**Dự án khởi công mới**		**14.845,4**	**9.000,0000**	**9.000,0000**		
1	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 5 tầng UBND tỉnh Hải Dương	121; 15/01/2018	6.847,1	5.000,0000	5.000,0000		
2	Nhà làm việc 3 tầng của Nhà hát chèo Hải Dương	1840; 22/6/2017	7.998,3	4.000,0000	4.000,0000		
X	**An ninh - Quốc phòng**		**359.824,6**	**54.491,2600**	**10.000,0000**	**44.491,2600**	
X.1	**Dự án đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng**		**155.539,6**	**9.923,0200**		**9.923,0200**	
1	Sở chỉ huy và cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương	4033, 30/10/2009; 4976, 16/12/2013	155.539,6	9.923,0200		9.923,0200	

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019			
		Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
X.2	**Dự án chuyển tiếp**		**204.285,1**	**44.568,2400**	**10.000,0000**	**34.568,2400**	
1	Sở Chỉ huy cơ bản/Căn cứ chiến đấu 1 tỉnh Hải Dương	3106; 31/10/2016	88.409,2	34.568,2400		34.568,2400	
2	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an tỉnh Hải Dương	77; 21/4/2017	110.875,9	10.000,0000	10.000,0000		
X.3	**Dự án khởi công mới**						
C	**THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN VÀ KHÁC**		**159.000,0**	**37.500,0000**		**21.225,4100**	**16.274,5900**
1	Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020[(1)]		159.000,0	37.500,0000		21.225,4100	16.274,5900

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Ghi chú:

[(1)]- Phân bổ chi tiết sau.

[(2)]- Kế hoạch năm 2019 đã bao gồm thu hồi vốn ứng trước là 10 tỷ đồng.